

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Mẫu số: B01a - DNN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRỊNH TRẦN GIA
[02] Mã số thuế: 4300850319
[03] Địa chỉ: Thôn 7 [04] Quận/Huyện: [05] Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Quảng Ngãi
[06] Điện thoại: 0934858833 [07] Fax: [08] E-mail:
BCTC đã được kiểm toán: []
Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tiền: đồng VN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.764.940	56.649.026
II. Đầu tư tài chính	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123		0	0
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124		0	0
III. Các khoản phải thu	130		1.527.636	725.043
1. Phải thu của khách hàng	131		0	725.043
2. Trả trước cho người bán	132		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133		0	0
4. Phải thu khác	134		1.527.636	0
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135		0	0
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		157.389.234	28.444.500
1. Hàng tồn kho	141		157.389.234	28.444.500
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		0	0
V. Tài sản cố định	150		0	0
- Nguyên giá	151		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	152		0	0
VI. Bất động sản đầu tư	160		0	0
- Nguyên giá	161		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162		0	0
VII. XDCB dở dang	170		0	0
VIII. Tài sản khác	180		26.639.194	6.593.739
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		0	0
2. Tài sản khác	182		26.639.194	6.593.739
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170+180)	200		192.321.004	92.412.308
NGUỒN VỐN				

I. Nợ phải trả	300		959.631.523	855.091.401
1. Phải trả người bán	311		89.209.283	0
2. Người mua trả tiền trước	312		29.753.173	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		0	14.422.334
4. Phải trả người lao động	314		0	0
5. Phải trả khác	315		840.669.067	840.669.067
6. Vay và nợ thuê tài chính	316		0	0
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317		0	0
8. Dự phòng phải trả	318		0	0
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319		0	0
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320		0	0
II. Vốn chủ sở hữu	400		(767.310.519)	(762.679.093)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000	100.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		0	0
5. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416		0	0
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		(867.310.519)	(862.679.093)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500=300+400)	500		192.321.004	92.412.308

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 11 tháng 03 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
Trần Thị Ngọc Cẩm

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRỊNH TRẦN GIA
Ngày ký: 16/03/2026 17:46:00.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mẫu số: B02
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRỊNH TRẦN GIA
03] Mã số thuế: 4300850319

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		248.004.381	236.229.556
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		248.004.381	236.229.556
4. Giá vốn hàng bán	11		89.150.000	82.100.528
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		158.854.381	154.129.028
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		47.874	51.622
7. Chi phí tài chính	22		907.500	0
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		157.921.730	400.493.151
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		73.025	(246.312.501)
10. Thu nhập khác	31		13.000.000	0
11. Chi phí khác	32		17.704.451	60.721.569
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(4.704.451)	(60.721.569)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(4.631.426)	(307.034.070)
14. Chi phí thuế TNDN	51		0	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(4.631.426)	(307.034.070)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 11 tháng 03 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
Trần Thị Ngọc Cẩm

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRỊNH TRẦN GIA
Ngày ký: 16/03/2026 17:46:00.